

Bản án số: 102/HNGĐ-ST

Ngày 28/6/2024

V/v: Tranh chấp về ly hôn và giao nuôi con.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ HỢP – TỈNH NGHỆ AN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quán Vi Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đình Khởi.

2. Ông Lê Văn Thanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Sầm Thị Thanh Sương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 69/2024/TLST – HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Phạm Văn H**, sinh năm 1985.

Trú tại: **Thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Ninh.**

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Chị **Phạm Thị L**, sinh năm 1987.

Trú tại: **Xóm Y, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An.**

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/5/2024 và qua lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh **Phạm Văn H** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị **Phạm Thị L** đăng ký kết hôn ngày 09/10/2015 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay anh **H** nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên viết đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị **Phạm Thị L**.

Về con chung: Giữa anh và chị **L** có một người con chung họ tên là **Phạm Minh N**, sinh ngày 25/3/2016. Quá trình làm đơn và giải quyết vụ án, anh **H** có

nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu chị **L** cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo bản tự khai ngày 31/5//2024, quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị **Phạm Thị L** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Phạm Thị L** thừa nhận, giữa chị và anh **Phạm Văn H** đăng ký kết hôn với nhau ngày ngày 09/10/2015 tại Ủy ban nhân dân xã **C, huyện Q, tỉnh Nghệ An** trên cơ sở tự nguyện. Trong thời gian sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh chị không còn tình cảm với nhau nữa nên chị **L** đồng ý với yêu cầu ly hôn của anh **Phạm Văn H**.

Về con chung: Chị **L** và anh **H** có một người con chung họ tên là **Phạm Minh N**, sinh ngày 25/3/2016. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị **Phạm Thị L** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã **C, huyện Q**: Anh **Phạm Văn H** và chị **Phạm Thị L** có đăng ký kết ngày 09/10/2015 tại Ủy ban nhân dân xã **C, huyện Q, tỉnh Nghệ An**, đăng ký kết hôn giữa hai bên là hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa anh **H** và chị **L** phát sinh mâu thuẫn cụ thể như thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ vì không thông qua hoà giải tại cơ sở. Anh **H** và chị **L** có một người con chung họ tên là **Phạm Minh N**, sinh ngày 25/3/2016. Hiện nay, con chung của anh chị đang do chị **Phạm Thị L** trực tiếp nuôi dưỡng, ở xóm **Y, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An**. Nếu giải quyết ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét điều kiện kinh tế, hoàn cảnh sống của hai bên, cùng nguyện vọng của con chung và ý kiến thỏa thuận của hai vợ chồng để giao nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp tại phiên tòa:

Qua kiểm sát giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tham gia giải quyết vụ việc theo giấy triệu tập, tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn anh **Phạm Văn H** và bị đơn chị **Phạm Thị L** có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó cần xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82; 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 28; 35; 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Về quan hệ hôn nhân: Cần chấp nhận cho anh **Phạm Văn H** được ly hôn với chị **Phạm Thị L**.

Về con chung: Giao con chung là **Phạm Minh N**, sinh ngày 25/3/2016 cho chị **Phạm Thị L** trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 6/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh **Phạm Văn H**. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm gặp con, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Anh **H**, chị **L** không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc anh **Phạm Văn H** phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp: Anh **Phạm Văn H** có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn đối với chị **Phạm Thị L** và yêu cầu giải quyết việc giao nuôi con chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung của vợ chồng, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị **Phạm Thị L** có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại **xóm Y, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An** theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

[1.3] Tại phiên tòa nguyên đơn anh **Phạm Văn H** và bị đơn chị **Phạm Thị L** đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh **Phạm Văn H** và chị **Phạm Thị L** đăng ký kết hôn ngày 09/10/2015 tại **Ủy ban nhân dân xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An**. Hôn nhân giữa anh **H** và chị **L** là hợp pháp, tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Trong thời gian chung sống do bất đồng quan điểm, các bên không tìm được giải pháp khắc phục mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng báo anh **H** và chị **L** đến để hòa giải tạo điều kiện cho các bên hàn gắn tình cảm, đoàn tụ, nhưng anh **H** và chị **L** không đồng ý hòa giải. Anh **H** xác định không còn tình cảm, không muốn tiếp tục quan hệ hôn nhân với chị **L** nên vẫn giữ nguyên nguyện vọng xin được ly hôn với chị **Phạm Thị L**. Chị **Phạm Thị L** có ý kiến đồng ý ly hôn với anh **Phạm Văn H**. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể hòa giải để quay trở lại chung sống, đoàn tụ với nhau. Do đó, áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh **Phạm Văn H** được ly hôn với chị **Phạm Thị L**.

[3] Về con chung: Qua xác minh tại địa phương, xem xét hoàn cảnh, môi trường sống và khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng con và ý kiến của con chung, anh **H**, chị **L** xét thấy cần giao con chung là **Phạm Minh N**, sinh ngày 25/3/2016 cho chị **Phạm Thị L** trực tiếp nuôi dưỡng, từ tháng 6 năm 2024 trở đi, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh **Phạm Văn H**. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm gặp con, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh **Phạm Văn H** và chị **Phạm Thị L** có ý kiến không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh **Phạm Văn H** chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các Điều 51, 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Các Điều 28, 35; 39; 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật

Tổ tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh **Phạm Văn H** được ly hôn chị **Phạm Thị L**.

2. Về con chung: Giao con chung là **Phạm Minh N**, sinh ngày 25/3/2016 cho chị **Phạm Thị L** trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 6 năm 2024 trở đi, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh **Phạm Văn H**.

Anh **Phạm Văn H** không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con chung khi có căn cứ hoặc có lý do chính đáng có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Anh **Phạm Văn H** chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ trong số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) Anh **Phạm Văn H** đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0006162 ngày 23/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳnh Hợp;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Hợp;
- UBND xã Châu Quang, huyện Quỳnh Hợp tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã có)

Quán Vi Tuấn